TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29/03/2024.
"V/v tranh chấp Ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị Cẩm Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Oanh - Ông Nguyễn Chí Công.
- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Mỹ Châu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 29 tháng 03 năm 2024, tại phòng xử án của Toà án nhân dân huyện Lai Vung, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 01/2024/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 01 năm 2024, về việc "tranh chấp hôn nhân gia đình – Ly hôn, và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 170/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 15/3/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Kiều N, sinh năm 1986.

Địa chỉ: G, ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Trương Thế N1, sinh năm 1984.

Địa chỉ: 3, ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Nguyễn Thị Kiều N có mặt, ông Trương Thế N1 có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn Nguyễn Thị Kiều N trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông N1 tìm hiểu với nhau trước khi kết hôn, đến năm 2010 tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 25/10/2010 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi, không quan tâm lẫn nhau nên ly thân từ đó đến nay. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu được ly hôn với ông N1.

Về con chung và cấp dưỡng: Vợ chồng có 01 con chung tên Trương Nguyễn Kiều T, sinh ngày 4/4/2006. Hiện nay bà đang nuôi con nên yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông N1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Trương Thế N1 có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nhưng có văn bản trình bày như sau:

Về hôn nhân: Ông và bà N tìm hiểu trước khi kết hôn, đến năm 2010 tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 25/10/2010 tại Ủy ban nhân dân xã L. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quam điểm, không hợp nhau, thường xuyên cự cãi, đã ly thân từ năm 2019, nay ông không còn tình cảm với bà N nên đồng ý thuận tình ly hôn.

Về con chung và cấp dưỡng: Vợ chồng có 01 con chung Trương Nguyễn Kiều T, sinh ngày 4/4/2006. Hiện nay bà N đang nuôi con, ông đồng ý bà N được tiếp tục nuôi con, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa, bà N đồng ý thư ký Tòa án Trần Thị Mỹ C thay ông Huỳnh Phát Đ.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Kiều N yêu cầu được ly hôn với ông Trương Thế N1, yêu cầu nuôi con, không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ. Bà N và ông N1 cùng cư trú tại huyện L và các yêu cầu khởi kiện của bà N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn Trương Thế N1 có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Bà N và ông N1 kết hôn vào năm 2010, đến ngày 25/10/2010 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, tuy nhiên quá trình chung sống giữa bà N và ông N1 phát sinh mâu thuẫn từ năm 2019, và đã ly thân với nhau, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi, không quan tâm lẫn nhau, không hạnh phúc, bà N và ông N1 cùng đồng ý thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này, theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung và cấp dưỡng:

Hội đồng xét xử xét thấy, bà N yêu cầu được nuôi Trương Nguyễn Kiều T, sinh ngày 4/4/2006, không yêu cầu ông N1 cấp dưỡng, đồng thời cháu T có nguyện vọng sống với bà N và ông N1 đồng ý cho bà N tiếp tục nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này là phù hợp các Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung: Bà N và ông N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà N và ông N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là có căn cứ, phù hợp với khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị Kiều N.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kiều N và ông Trương Thế N1 cùng đồng ý thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kiều N được nuôi Trương Nguyễn Kiều T, sinh ngày 4/4/2006.

Bà Nguyễn Thị Kiều N không được cản trở ông Trương Thế N1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí và tạm ứng án phí: Bà Nguyễn Thị Kiều N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001350, ngày 29/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (29/03/2024). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời

hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh, huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS h. Lai Vung;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Long Hậu;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

1/

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc giờ phút, ngày 17/01/2020.

Tại phòng nghị án trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Cẩm H.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Phát T1.

Ông Đặng Văn H1.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 291/2019/TLST-HNGĐ, ngày 28/8/2019, "V/v tranh hôn nhân gia đình – Ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng", giữa:

Nguyên đơn: Võ Thị Minh T2, sinh năm 1989

Địa chỉ:3, N, Phường B, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

Bị đơn: Phan Quốc T3, sinh năm 1984.

Địa chỉ: 1, ấp T, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật:

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

I. Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên Hội đồng xét xử thống nhất 100%.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q.

II. Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên Hội đồng xét xử thống nhất 100%.

Về hôn nhân: Chị Võ Thị Minh T2 được ly hôn với anh Phan Quốc T3.

Về con chung và cấp dưỡng: Chị Võ Thị Minh T2 được quyền tiếp tục nuôi cháu Phan Quốc T4, sinh ngày 03/01/2014. Anh Phan Quốc T3 phải có nghĩa vụ

cấp dưỡng nuôi con hàng tháng bằng ½ tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định (tại thời điểm cấp dưỡng), cho đến khi cháu Phan Quốc T4 đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng ngày 17/01/2020.

Chị Võ Thị Minh T2 cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Phan Quốc T3 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

III. Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên Hội đồng xét xử thống nhất 100%.

Về án phí và tạm ứng án phí:

Chị Võ Thị Minh T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp theo biên lai số: 0001775, ngày 28/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Phan Quốc T3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (17/01/2020). Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa ngày 17/01/2020 thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 17 tháng 01 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

1/

2/

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc 09 giờ 30 phút ngày 11 tháng 8 năm 2017.

Tại: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trương Phước T5.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Nguyễn Phát T1.

Ông: Tô Hoàng V.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 85/2017/TLST – HNGĐ, ngày 27/3/2016 về "V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" giữa:

- *Nguyên đơn*: Lê Thị Diệu H2 - *Sinh năm*: 1985; *Địa chỉ*: số nhà B ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

- *Bị đơn*: Thái Thanh T6 - *Sinh năm*: 1987; *Địa chỉ*: số nhà E ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt)

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

I- Hội đồng xét xử 3/3 thống nhất 100% Quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 227 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Diệu H2 và anh Thái Thanh T6.

II- Hội đồng xét xử 3/3 thống nhất 100% Quyết định:

- Về con chung:

+ Giao cháu Thái Thanh T7 sinh ngày 11/11/2008 cho chị Lê Thị Diệu H2 tiếp tục nuôi dưỡng.

+ Anh Thái Thanh T6 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Thái Thanh T6 có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

III- Hội đồng xét xử 3/3 thống nhất 100% Quyết định:

Về tài sản và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

IV- Hội đồng xét xử 3/3 thống nhất 100% Quyết định:

- Án phí và tạm ứng án phí sơ thẩm:

- Nguyên đơn chị Lê Thị Diệu H2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 12553, ngày 27/3/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Báo cho các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 28/7/2017, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời gian kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ, ngày 11 tháng 8 năm 2017.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

1/

2/ **Trương Phước T5**

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND huyện Lai Vung;
- THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Phước Tự